

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/DS-ST
Ngày: 28/3/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hiền
- Ông Nguyễn Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118A/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 647/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Bùi Hữu H**, sinh năm 1955; địa chỉ: **ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang**.

Ông **Bùi Hữu H** ủy quyền cho ông **Phùng Thanh H1**, sinh năm 1969; **ấp Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang**. Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2023 đã được **Văn phòng C** chứng thực; có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông **Châu Quang H2**, sinh năm 1939; địa chỉ: **ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

Ông **Châu Hồng H3**, sinh năm 1974; địa chỉ: **ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền cho ông **Bùi Hữu H** ông **Phùng Thanh H1** trình bày, Do chỗ quen biết làm ăn qua lại với nhau nên ông **H2**, ông **H3** có đến Cửa hàng mua bán vật tư nông Nghiệp của ông **H** để mua phân bón, thuốc trừ sâu để làm lúa nhiều năm với phương thức gởi đầu, ông **H** là người trực tiếp bán hàng, sau đó hai bên có xác nhận công nợ vào ngày 23.5.2013 với số tiền 134.468.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng), sau đó vào ngày 26/02/2013 **H2**, ông **H3** có trả cho cửa hàng ông **H** được 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), vào ngày 13/4/2014 ông **H2**, ông **H3** có trả cho cửa hàng ông **H** được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), sau đó ông **H2**, ông **H3** có đến mua vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc trừ sâu để làm lúa, đến ngày 19/01/2016 ông **H2** có làm giấy xác nhận nợ với cửa hàng ông **H** số tiền 93.547.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng). Khi làm giấy xác nhận nợ xong thì ông **H2**, ông **H3** không thực hiện tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho cửa hàng ông **H**, ông **H** có đến nhắc nhở nhưng vẫn không thực hiện. Tại đơn khởi kiện **Cửa hàng V** có làm đơn khởi kiện yêu cầu ông **H2**, ông **H3** có nghĩa vụ liên đới trả cho Cửa hàng mua vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc trừ sâu số tiền vốn là 103.547.000 đồng và tiền lãi 142.244.000 đồng. Tổng cộng là 245.791.000 đồng. Nay tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông **H2**, ông **H3** là ông **Hữu H** chỉ yêu cầu ông **H2**, ông **H3** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Cửa hàng V** số tiền mua vật tư nông nghiệp là 93.547.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) không yêu cầu tính lãi.

Ông **Châu Quang H2**, ông **Châu Hồng H3** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn ông **Bùi Hữu H** là ông **Phùng Thanh H1** không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

- Bị đơn ông **Châu Quang H2**, ông **Châu Hồng H3** vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Năm 2009, ông **Châu Quang H2** cùng ông **Châu Hồng H3** đến cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông **Bùi Hữu H** làm chủ mua phân bón, thuốc trừ sâu. Hình thức hình thành toán sau khi thu hoạch xong mùa vụ, tính đến ngày

19/01/2016 sau khi chốt sổ ông H2 và ông H3 còn nợ 93.547.000 đồng và không tiếp tục giao dịch và thanh toán nợ đã cam kết. Nay, ông H yêu cầu ông H2, ông H3 trả 93.547.000 đồng. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông H3, số tiền vốn 10.000.000 đồng và số tiền lãi suất 142.244.000 đồng.

Phía ông H2, ông H3, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, căn cứ ông H khởi kiện là giấy xác nhận nợ ngày 19/01/2016 có nội dung: Ông Châu Quang H2 ký nhận nợ ông Bùi Hữu H đến ngày 19/01/2016 là 93.547.000 đồng, phía ông H2 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng, biết được yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng không có ý kiến phản hồi nên có cơ sở xác định giữa ông H và ông H2 có xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, ông H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên bán giao hàng cho ông H2 nhưng phía ông H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua đối với số nợ 93.547.000 đồng nên việc ông H khởi kiện là có căn phù hợp các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Đối với ông H3, số tiền vốn 10.000.000 đồng và số tiền lãi suất 142.244.000 đồng, do ông H đã rút lại yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu H.
- Buộc ông Châu Quang H2 trả ông Bùi Hữu H số tiền 93.547.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu của ông Bùi Hữu H đối với ông Châu Hồng H3, số tiền vốn 10.000.000 đồng và số tiền lãi suất 142.244.000 đồng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Bùi Hữu H khởi kiện yêu cầu ông Châu Quang H2, ông Châu Hồng H3 có nơi cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở đại diện bị đơn Châu Quang H2, ông Châu Hồng H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt **Châu Quang H2**, ông **Châu Hồng H3** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của người đại diện ủy quyền của ông **Bùi Hữu H** là **Phùng Thanh H1** tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa ông **Bùi Hữu H** với ông **Châu Quang H2**, ông **Châu Hồng H3** có thỏa thuận với nhau về việc mua bán vật tư nông nghiệp để trồng lúa nhiều lần với phương thức gởi đầu, sau đó hai bên có thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp với nhau nhưng đến ngày 19/01/2016 thì ông **Châu Quang H2** có ký xác nhận công nợ với ông **Bùi Hữu H** là còn nợ lại là 93.547.000 đồng hứa sẽ trả vào cuối mùa vụ lúa, nhưng sau đó không thực hiện nên ông **H** khởi kiện yêu cầu ông **Châu Quang H2**, ông **Châu Hồng H3** có nghĩa vụ trả số tiền còn thiếu lại cửa hàng vật tư nông nghiệp là 93.547.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho ông **H** là ông **H1** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông **H3**, không yêu cầu ông **H3** cùng có nghĩa vụ trả nợ với ông **H2** do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần Đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật được quy định tại Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do ông **Hoàng cung c** cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ được xác lập giữa ông **H2**, ông **H3** với Cửa hàng vật tư nông nghiệp **Bùi Hữu H** và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ vụ án.

[4] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.*

Ông **Bùi Hữu H** khởi kiện yêu cầu ông **Châu Quang H2** có nghĩa vụ trả tiền mua vật tư nông nghiệp là 93.547.000 đồng.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông **H2**, ông **H3** với ông **H** cùng xác lập hợp đồng mua bán với nhau, nhưng ông **H2**, ông **H3** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Cửa hàng ông **H** khi ông **H** có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của ông **H**. Trong quá trình hòa giải, ông **H2**, ông **H3** không gợi ý kiến hay văn bản gì để Hội đồng xem xét. Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền cho ông **H** chỉ yêu cầu ông **H2** có nghĩa vụ trả cho ông **H** theo giấy xác nhận công nợ ngày 19/01/2016 thì ông **Châu Quang H2** còn nợ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp lại là 93.547.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của người đại diện ủy quyền cho ông **H** là ông **H1** và trong quá trình làm việc và các tài liệu chứng cứ kèm theo hồ sơ vụ án cũng có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của ông **H**. Nghĩ nên buộc ông **H2** có

nghĩa vụ trả cho ông **Bùi Hữu H** số tiền mua bán còn nợ lại là 93.547.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015.

[5] *Về lãi suất*: Trong quá trình làm việc người đại diện ủy quyền cho ông **Bùi Hữu H** là ông **Phùng Thanh H1** rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử cần đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp với Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông **Châu Quang H2** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông **Bùi Hữu H** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Hữu H**.

Buộc ông **Châu Quang H2** có nghĩa vụ trả cho ông **Bùi Hữu H** số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 93.547.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Hữu H** yêu cầu ông **Châu Hồng H3** có nghĩa vụ cùng ông **Châu Quang H2** trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 93.547.000 đồng (chín mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của ông **Bùi Hữu H** yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Châu Quang H2** phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông **Bùi Hữu H** được miễn tiền tạm ứng án phí do đó ông **Bùi Hữu H** không được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

